

Số: 175a/TANDTC-PC

V/v trả lời kiến nghị cử tri gửi tới sau
kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2024

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai

Tòa án nhân dân tối cao nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Đồng Nai do Ban Dân nguyện của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến theo Công văn số 655/BDN ngày 02/8/2024 với các nội dung kiến nghị:

1. “Kiến nghị ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự đối với Tội đánh bạc, Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, Tội mua bán trái phép chất ma túy và Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.”

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao đã tiến hành tổng kết thực tiễn thi hành quy định của Bộ luật Hình sự về Tội đánh bạc, Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, các tội phạm về ma túy. Trên cơ sở kết quả tổng kết, Tòa án nhân dân tối cao đang nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017) về Tội đánh bạc, Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017) về các tội phạm ma túy. Các nghị quyết này sẽ được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xem xét, ban hành trong thời gian tới.

2. “Kiến nghị ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự đối với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, Tội chống người thi hành công vụ, trường hợp phạm tội có tính chất côn đồ không đủ điều kiện hưởng án treo, tình tiết định khung “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”, xác định vai trò đồng phạm trong vụ án có đồng phạm.”

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao xin được trả lời như sau:

Về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành một số văn bản giải đáp vướng mắc trong xét xử như: Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019, Công văn số 50/TANDTC-PC ngày 07/4/2020, Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020.

Về Tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành một số văn bản giải đáp vướng mắc trong xét xử như: Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019, Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023, Công văn số 163/TANDTC-PC ngày 10/9/2024.

Về trường hợp phạm tội có tính chất côn đồ không đủ điều kiện hưởng án treo thì tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022

của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo hướng dẫn những trường hợp không cho hưởng án treo gồm: người phạm tội là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tính chất chuyên nghiệp, lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Tình tiết “Phạm tội có tính chất côn đồ” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Để hướng dẫn áp dụng thống nhất tình tiết này, hiện nay Tòa án nhân dân tối cao đang nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Nghị quyết sẽ được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xem xét, ban hành trong thời gian tới.

Về Tội chống người thi hành công vụ, “tình tiết định khung “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội””, “xác định vai trò đồng phạm trong vụ án có đồng phạm” thì trong thời gian tới, thông qua công tác tổng kết thực tiễn việc xét xử, Tòa án nhân dân tối cao sẽ tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất Bộ luật Hình sự liên quan đến nội dung mà cử tri nêu nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xét xử và bảo đảm thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13.

3. *“Thời điểm thay đổi, bổ sung yêu cầu phản tố của bị đơn thì BLTTDS năm 2015 không có quy định và hiện nay Tòa án nhân dân tối cao cũng chưa có hướng dẫn hoặc giải đáp cụ thể...”*

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao xin được trả lời như sau:

Khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”*.

Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“1. Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu”*.

Như vậy, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự thì:

- Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố nếu yêu cầu phản tố được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Tại phiên họp và sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì Tòa án chỉ chấp nhận việc bị đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu phản tố nếu việc thay đổi yêu cầu đó của họ không vượt quá yêu cầu phản tố ban đầu.

4. “Khoản 3 Điều 106, khoản 1 Điều 495 quy định về trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Mặc dù vậy, hiện nay không có quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chậm hoặc không cung cấp tài liệu, chứng cứ trong vụ án dân sự trong khi đó lý do tạm đình chỉ do chờ cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng kéo dài thời hạn giải quyết các vụ án dân sự hiện nay.”

Về vấn đề này, Tòa án nhân dân tối cao xin được trả lời như sau:

- Hiện nay, điểm a khoản 1 Điều 18 Pháp lệnh số 02/2022/UBTVQH15 ngày 18/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã quy định về chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ như sau: “Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Không thực hiện yêu cầu của Tòa án, Viện kiểm sát về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ mà người đó đang quản lý, lưu giữ.”

5. “Theo quy định tại Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đương sự có quyền đề nghị Tòa án đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án hoặc trong quá trình giải quyết vụ án nếu Tòa án thấy cần thiết thì cũng có quyền đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án. Vậy, sau khi Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án mới đưa thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án và người này có yêu cầu độc lập thì bị đơn có được quyền đưa ra yêu cầu phản tố không. Về nguyên tắc, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì bị đơn không có quyền đưa ra yêu cầu phản tố đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nên cần có hướng dẫn hoặc giải đáp cụ thể vướng mắc này.

- Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải

Thẩm phán chỉ tiến hành mở phiên họp khi cho rằng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ (tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp, do Thẩm phán tiến hành thu thập theo quy định) đã đầy đủ để làm sáng tỏ các tình tiết trong vụ án. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không quy định phải mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bao nhiêu lần và cũng không hạn chế số lần hòa giải. Tùy thuộc vào tính chất phức tạp của vụ án Thẩm phán sẽ là người quyết định tổ chức phiên họp, tuy nhiên chưa quy định cụ thể về quyền đưa ra yêu cầu phản tố của bị đơn hoặc quyền yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được đưa ra trước thời điểm mở phiên họp lần đầu hay lần cuối nên thực tiễn có nhiều trường hợp dẫn đến khiếu nại về việc trả

lại đơn phản tố hoặc đơn yêu cầu độc lập khi áp dụng quy định về nội dung tòa án vẫn mở phiên họp tiếp theo nhưng họ không được quyền nộp đơn phản tố hoặc đơn yêu cầu độc lập. Mặc dù áp dụng trên tinh thần quyền yêu cầu phản tố của bị đơn hoặc quyền yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được đưa ra trước thời điểm mở phiên họp lần đầu để giải quyết nhưng cần có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này để thống nhất áp dụng pháp luật.

- Về tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án

Đối với trường hợp Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án do đương sự không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng và kèm theo hậu quả không được quyền khởi kiện lại là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự. Kiến nghị sửa đổi theo hướng đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo thủ tục chung đối với trường hợp nêu trên.

- Về hoãn phiên tòa, tạm ngừng phiên tòa

Về tạm ngừng phiên tòa: Trường hợp tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu theo điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự và phát sinh thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn yêu cầu độc lập. Thực tiễn có quan điểm vụ án đã được công khai chứng cứ, hòa giải và đã đưa ra xét xử nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử mà không phải công khai chứng cứ, hòa giải lại và quan điểm khác đa số thực hiện tại thời điểm này người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới biết được quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ án, để đảm bảo quyền lợi của đương sự Tòa án phải tiến hành thụ lý đơn yêu cầu độc lập và tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải lại. Do đó, cần hướng dẫn cụ thể hơn thống nhất trong áp dụng. Theo quy định tại Điều 219 Bộ luật tố tụng Dân sự, thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

- Trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án dân sự có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Tại Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03 tháng 4 năm 2019 hướng dẫn: “Về đến ngày mở phiên tòa đã được coi là “tại phiên tòa” hay chưa? Mục 2 Chương XIV Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về thủ tục bắt đầu phiên tòa. Theo quy định tại Mục này thì phiên tòa bắt đầu bằng thủ tục “Khai mạc phiên tòa” (Điều 239). Do đó, đến ngày mở phiên tòa (được triệu tập) nhưng chưa khai mạc phiên tòa thì chưa coi là “bắt đầu phiên tòa”, chưa coi là “tại phiên tòa”. Nếu nguyên đơn nộp đơn xin rút yêu cầu khởi kiện trước khi khai mạc phiên tòa thì Thẩm phán vẫn có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án chứ không phải là Hội đồng xét xử”. Tuy nhiên, trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện trong thời gian tạm ngừng phiên tòa hoặc rút đơn khởi kiện trong thời gian tạm đình chỉ giải quyết vụ án sau khi tạm ngừng phiên tòa thì thẩm quyền đình chỉ giải quyết vụ án của Thẩm phán chủ

tọa phiên tòa hay của Hội đồng xét xử. Nếu áp dụng như trên thì phải mở phiên tòa Hội đồng xét xử làm việc mới ban hành quyết định đình chỉ hay chỉ cần Thẩm phán thay mặt Hội đồng xét xử ban hành quyết định đình chỉ.

Quy định thời hạn tạm ngừng phiên tòa tại khoản 2 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự là không quá 01 tháng, hết thời hạn này nếu lý do để ngừng phiên tòa không còn thì Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa. Khi hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa mà lý do tạm ngừng phiên tòa chưa được khắc phục thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Trường hợp nếu Thẩm phán dự kiến việc thu thập chứng cứ sẽ được thực hiện trong 01 tháng thì sẽ ấn định thời gian tiếp tục phiên tòa nhưng chưa thể thu thập được thì vẫn mở phiên tòa và Hội đồng xét xử làm việc và ban hành quyết định tạm đình chỉ vụ án. Trường hợp không ấn định ngày tiếp tục phiên tòa thì Hội đồng xét xử chưa làm việc vậy sẽ ban hành thế nào. Do điều luật quy định thẩm quyền tạm đình chỉ vụ án thuộc về Hội đồng xét xử nên lúng túng trong việc ban hành: Hội đồng xét xử phải tiếp tục tiến hành phiên tòa, trên cơ sở kết quả thảo luận tại phiên tòa mới quyết định việc tạm đình chỉ vụ án hay không cần thiết phải mở lại phiên tòa. Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử ban hành quyết định tạm đình chỉ vụ án.

- Khoản 1 Điều 232, khoản 1 Điều 296, khoản 1 Điều 367 quy định Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa, phiên họp nếu vắng mặt thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, trừ trường hợp Viện kiểm sát có kháng nghị phúc thẩm. Quy định này chưa phù hợp vì việc kiểm sát và phân công Kiểm sát viên được thực hiện khi Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án và thời gian đưa vụ án ra xét xử cũng do Tòa án chủ động... Đồng thời, việc quy định về trường hợp Kiểm sát viên vắng mặt tại phiên tòa mà Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử bình thường sẽ ảnh hưởng đến vị trí, vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng dân sự. Như vậy, cần quy định nếu Kiểm sát viên vắng mặt tại phiên tòa thì cần phải hoãn phiên tòa như trường hợp vắng mặt thành viên của Hội đồng xét xử.

- Điều 72, Điều 200 quy định: “Cùng với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập” và “Bị đơn có quyền yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”. Quy định trên xác định bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Trong khi đó, quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự chỉ xác định bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và đưa ra yêu cầu độc lập với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Như vậy, hai quy định nêu trên có sự mâu thuẫn và quy định chưa rõ ràng về quyền yêu cầu của bị đơn đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập, gây không ít khó khăn cho việc xác định và áp dụng pháp luật. Vậy cần có văn bản hướng dẫn, quy định thống nhất là bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

- Khoản 3 Điều 106, khoản 1 Điều 495: ... Bên cạnh đó, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án mà không có “lý do chính đáng” thì có thể bị xử lý hành chính hoặc hình sự. Tuy nhiên, pháp luật lại không có quy định cụ thể “lý do chính đáng” là trường hợp nào dẫn đến có thể áp dụng tùy nghi và Thẩm phán thiếu cơ sở để xử lý hành vi nêu trên. Vậy cần quy định cụ thể “lý do chính đáng” là trường hợp nào. Quy định cụ thể các chế tài xử lý nếu vi phạm về trách nhiệm cung cấp tài liệu chứng cứ”

Tòa án nhân dân tối cao xin ghi nhận ý kiến của cử tri tỉnh Đồng Nai và sẽ tiếp tục tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xem xét, hướng dẫn hoặc kịp thời kiến nghị Quốc hội xem xét sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự nhằm khắc phục những hạn chế trong quá trình thi hành Luật.

6. “Theo quy định tại khoản 3 Điều 131 Luật Phá sản năm 2014 về điều khoản chuyển tiếp, đối với yêu cầu mở thủ tục phá sản đã được thụ lý trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thì áp dụng quy định của luật này để giải quyết. Tuy nhiên, trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo Luật Phá sản năm 2014 có một số điểm cơ bản khác với Luật Phá sản năm 2004 như: Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thay thế cho Tổ quản lý, thanh lý tài sản; nội dung, trình tự và nghị quyết của Hội nghị chủ nợ; tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản trước thanh lý tài sản còn lại trong khi Luật Phá sản năm 2004 lại quy định thủ tục thanh lý tài sản trước khi tuyên bố phá sản... Vì vậy, việc tiếp tục tiến hành thủ tục phá sản đối với các yêu cầu mở thủ tục phá sản đã được thụ lý trước ngày Luật này có hiệu lực mà đã ra quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản gặp rất nhiều vướng mắc, khó khăn.

Theo Điều 106 Luật Phá sản năm 2014 về Quyết định tuyên bố phá sản khi Hội nghị chủ nợ không thành thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả họp Hội nghị chủ nợ, Tòa án ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 80 của Luật này. Tuy nhiên, đối với các vụ việc trên, thời gian tiến hành Hội nghị chủ nợ đã lâu, từ trước khi ra quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản. Như vậy, có căn cứ vào kết quả họp Hội nghị chủ nợ trước đây để ra quyết định phá sản được không hay phải tiến hành lại Hội nghị chủ nợ? Tòa án tỉnh đã có văn bản TANDTC sớm sửa đổi và hoàn thiện quy định của Luật Phá sản để đồng bộ và phù hợp với pháp luật có liên quan và luật tố tụng. Cần quy định rõ thẩm quyền của Thẩm phán về ban hành các quyết định trong quá trình giải quyết khiếu nại; áp dụng biện pháp chế tài khi thực hiện thủ tục phá sản... Cần quy định rõ chức năng của Viện Kiểm sát; vai trò, quyền hạn của Kiểm sát viên khi tham gia thủ tục giải quyết phá sản. Bên cạnh đó, cần có sự đồng bộ giữa Luật Phá sản năm 2014 và Luật Thi hành án dân sự năm 2014 về quyền yêu cầu định giá lại của chủ nợ, vì vậy để không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án thì cần sửa đổi, bổ sung quyền được yêu cầu định giá lại tài sản của chủ nợ. Cần bổ sung thêm các quy định chi phí cho Tổ

quản lý, thanh lý tài sản và Quản tài viên. Cần quy định đồng bộ vai trò trách nhiệm, quyền hạn của Chấp hành viên làm Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản trong Luật Phá sản và Luật Thi hành án Dân sự; trong đó kiến nghị sửa Luật thi hành án Dân sự cho phù hợp với Luật Phá sản.”

Tòa án nhân dân tối cao xin ghi nhận ý kiến của cử tri tỉnh Đồng Nai và sẽ tiếp tục tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành Luật Phá sản năm 2014 để kịp thời kiến nghị Quốc hội xem xét sửa đổi Luật Phá sản năm 2014 nhằm khắc phục những hạn chế trong quá trình thi hành luật.

7. “Sửa đổi quy định tại Điều 31, 32 Luật Tổ tụng hành chính theo hướng giao vụ án hành chính mà người bị kiện là Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về cho Tòa án nhân dân cấp huyện xét xử sơ thẩm như Luật Tổ tụng hành chính 2011, hoặc chỉ giao Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết sơ thẩm một số lĩnh vực quản lý nhà nước cụ thể.

Sửa đổi khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính quy định cụ thể hơn về thẩm quyền của Hội đồng xét xử khi tuyên chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, cũng như tiêu chí để xác định các Quyết định hành chính có liên quan khi xét xử vụ án hành chính.

Sửa đổi khoản 3 Điều 60 Luật Tổ tụng hành chính theo hướng mở rộng phạm vi người được ủy quyền, như Chủ tịch có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch hoặc Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan chuyên môn là thành viên của Ủy ban nhân dân tham gia tố tụng giải quyết án hành chính.”

Tòa án nhân dân tối cao xin ghi nhận ý kiến của cử tri tỉnh Đồng Nai và sẽ tiếp tục tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành Luật Tổ tụng hành chính để Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xem xét, hướng dẫn hoặc kịp thời kiến nghị Quốc hội xem xét sửa đổi Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 nhằm khắc phục những hạn chế trong quá trình thi hành luật.

Trên đây là trả lời của Tòa án nhân dân tối cao đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Đồng Nai.

Trân trọng!

Nơi nhận: *pluc*

- Như kính gửi;
- Ban Dân nguyện;
- Đ/c Chánh án TANDTC (để b/c);
- Công thông tin điện tử TANDTC (để đăng tải); ✓
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH-P1, 2, 4.



KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN
Nguyễn Văn Tiến